

Bản án số: 34/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-3-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Hoàng Thị Thu Hương
- Bà Nguyễn Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký viên TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 179/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1990; Nơi thường trú: Đ, Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

- Bị đơn: Anh Đoàn Quý T, sinh năm 1984; Nơi thường trú: Đ, Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị D, anh T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hoà giải, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D trình bày:

Chị và anh Đoàn Quý T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường hạnh phúc nhưng 02 năm trở lại đây thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm về kinh tế. Vợ chồng vẫn chung sống trong cùng một nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Nhận thấy

tình cảm giữa chị với anh T không còn, không thể chung sống cùng nhau được nữa. Chị đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh T để chị yên tâm làm ăn, sinh sống. Về con chung, vợ chồng chị có 02 con chung là Đoàn Quang T1, sinh ngày 27/5/2013 và Đoàn Minh T2, sinh ngày 30/7/2015. Hiện tại, con chung đang ở cùng với vợ chồng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đoàn Quang T1 và để anh T nuôi dưỡng cháu Đoàn Minh T2. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho bên nào. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải, bị đơn là anh Đoàn Quý T trình bày:

Anh T xác nhận thời điểm kết hôn như chị D đã trình bày. Quá trình chung sống, vợ chồng anh có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng không đến mức phải ly hôn. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn. Về con chung, vợ chồng anh có 02 con chung như chị D đã trình bày. Trường hợp phải ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà: Chị Đoàn Thị D1 giữ nguyên quan điểm xin ly hôn với anh Đoàn Quý T, chị nhận nuôi dưỡng chăm sóc cháu Đoàn Quang T1, giao cháu Đoàn Minh T2 cho anh T nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh T đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Về con chung, anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị D cấp dưỡng tiền nuôi con. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn được biết. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70; 71, 72 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Đoàn Quý T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2012 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

[3] Trong quá trình chung sống giữa chị Nguyễn Thị D và anh Đoàn Quý T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến nhau. Tại phiên tòa, anh T nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị D nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa chị D và anh T để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D và anh T có 02 con chung là Đoàn Quang T1, sinh ngày 27/5/2013 và Đoàn Minh T2, sinh ngày 30/7/2015. Hiện tại, con chung đang ở cùng với chị D và anh T. Xét nguyện vọng của chị D, anh T và nguyện vọng của các con chung. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của con chung nên giao cháu Đoàn Quang T1 cho chị D nuôi dưỡng và giao cháu Đoàn Minh T2 cho anh T nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Các bên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Đương sự phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Đoàn Quý T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị D nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đoàn Quang T1, sinh ngày 27/5/2013. Giao cho anh Đoàn Quý T nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Đoàn Minh T2, sinh ngày 30/7/2015. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004183 ngày 30/12/2024 tại Chi cục thi

hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị D đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã Trục Mỹ;
- Lưu HS, VP.

Vũ Hoàng Giang

